TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thuý và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn AT, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Khu X, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn AT, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1957; trú tại: Khu X, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Tiến Nh, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1959; đều trú tại: Thôn AT, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã GT, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với bố mẹ anh L tại thôn AT, xã GT, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với

nhau được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L không chia sẻ về kinh tế, thu nhập, không đưa tiền lương của anh cho chị; một mình chị phải kiếm tiền lo chi tiêu, mua sắm cho con và ăn uống sinh hoạt hằng ngày nhưng anh L vẫn không tôn trọng chị, tính anh nóng nảy, cục cằn mỗi khi vợ chồng bất đồng quan điểm là anh lại chửi mắng, xúc phạm và đánh chị. Việc anh đánh chị xảy ra nhiều lần, thậm chí là vào ban đêm và khi chị đang mang thai con thứ hai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều hơn từ khi chị sinh con thứ hai, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau vì vấn đề kinh tế, tiền bạc. Đến tháng 02 năm 2018, anh L đánh đuổi chị, chị không thể chịu đựng được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu X, phường K, thành phố H sống đến nay. Trong khoảng thời gian này, chị cũng quay trở về nhà chồng mấy lần để thăm con, anh L cũng đến gặp chị nói chuyện muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng chị cho rằng anh L không thật lòng nên chị không chấp nhận. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có hai con là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/9/2016. Hiện cả hai con đang ở cùng anh L. Chị đề nghị được nuôi cháu U còn anh L nuôi cháu N và chị không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty may Anh Huy có mức thu nhập ổn định từ 6.500.000 đồng đến 8.900.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Xuân L trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị D trình bày. Anh xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ khi chị sinh con thứ hai, anh thấy chị tích lũy tiền riêng không chung kinh tế với anh và gia đình. Từ khi con thứ hai của anh chị được 08 tháng tuổi chị đã bỏ nhà đi không sống cùng với anh và các con của anh chị, anh đã nhiều lần đến nhà bố mẹ đẻ của chị để gặp gỡ, nói chuyện mong vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng chị không về. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con nhưng chị D kiên quyết ly hôn anh thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con như chị D trình bày. Từ khi chị về nhà ngoại, hai con ở cùng với anh. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con, không yêu cầu chị phải cấp dưỡng cho con. Anh có quan điểm nếu chị D muốn nuôi con thì phải tự nuôi cả hai con, không nên tách hai con của anh ra vì từ nhỏ hai cháu sống với nhau vui vẻ, tình cảm. Hiện anh đang làm bảo vệ tại Công ty giầy Hải Nam có mức thu nhập ổn định từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng và anh có bố mẹ đẻ giúp anh chăm sóc các con khi anh đi làm.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã GT, huyện Gia Lộc cung cấp: Anh L và chị D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã GT vào

năm 2014. Sau khi khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng nhà với bố mẹ anh L tại thôn AT, xã GT, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống, giữa anh L và chị D đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng đã sống ly thân mấy năm nay. Chị D đã về sống cùng với bố mẹ đẻ ở phường K, thành phố H. Về con chung: Địa phương xác định anh chị có hai con như đã nêu trên. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với anh L. Hằng ngày ông bà nội của các cháu là ông Nh, bà X1 giúp anh L chăm sóc các cháu, đưa đón các cháu đi học tại trường mầm non xã GT. Địa phương đề nghị Toà án giao cháu U chưa đủ 36 tháng tuổi cho chị D nuôi dưỡng, còn anh L nuôi dưỡng cháu N.

Xác minh tại Trường mầm non xã GT, huyện Gia Lộc cung cấp: Các cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/9/2016 đều đang học tại Trường mầm non xã GT, các cháu vẫn đi học đều đặn, phát triển tốt, không có biểu hiện bất thường, hằng ngày việc đưa đón các cháu đi học chủ yếu do ông bà nội của các cháu là ông Nh, bà X1 và bố cháu là anh L đưa đón. Gia đình thực hiện đầy đủ các khoản đóng góp cho các cháu.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ của chị D trình bày: Quá trình anh L chị D chung sống với nhau bà không biết có mâu thuẫn gì hay không nhưng cuối năm 2017 chị D đã về nhà bà hai lần bà đều động viên chị quay về với chồng con. Đến đầu năm 2018, chị D về sống cùng với vợ chồng bà cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh L bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà xác định anh chị có hai con như trên, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh L. Bà xác định vợ chồng bà có nhiều thời gian và có điều kiện về kinh tế, nếu chị D được nuôi con thì vợ chồng bà sẵn sàng giúp đỡ chị D trong việc chăm sóc cháu, đưa đón cháu đi học.

Tại lời khai của ông Nguyễn Tiến Nh, bà Nguyễn Thị X1 là bố mẹ đẻ của anh L trình bày: Từ khi chị D sinh cháu thứ hai là Nguyễn Ngọc U thì vợ chồng chị D anh L hay xảy ra xô xát, cãi nhau. Khi cháu U được 08 tháng tuổi chị D đã bỏ đi không sống cùng với anh L. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tập trung kinh tế vào một mối. Ông bà cũng đã khuyên nhủ rất nhiều, bảo chị D quay về với chồng với con nhưng chị không về. Anh chị có hai con là cháu Nguyễn Bảo N và cháu U, từ khi các cháu sinh ra đến nay đều ở cùng với anh L và ông bà. Nếu anh chị ly hôn, ông bà đề nghị Toà án giao cả hai con cho anh L nuôi, ông bà sẽ hỗ trợ, giúp anh L trong việc chăm sóc các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Xuân L. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/9/2016; anh Nguyễn Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/12/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị D và anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Xuân L, trú tại thôn AT, xã GT, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho bị đơn là anh Nguyễn Xuân L. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân L vắng mặt nhưng anh Lượng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Toà án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/01/2014 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính cách hai bên không hòa hợp, không cùng nhau tạo lập kinh tế chung nên giữa vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên xin ly hôn anh L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L đến để làm việc và tham gia phiên hòa giải nhưng anh đều vắng mặt, thể hiện thái độ không chấp hành, buông bỏ, không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình; anh xác định chị D cương quyết ly hôn anh thì anh nhất trí. Điều đó chính tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có hai con là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/9/2016. Từ tháng 02 năm 2018 khi chị D về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, cả hai con của anh chị đều sống cùng với

anh L và được bố mẹ đẻ của anh là ông Nh bà X1 giúp đỡ trong việc chăm sóc, đưa đón các con của anh chị đi học, các cháu vẫn phát triển tốt. Hiện anh đang làm nhân viên bảo vệ có mức thu nhập hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, anh đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Nếu giao cả hai con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng đối với chính anh và bố mẹ đẻ của anh trong khi chị D đang làm công nhân may có mức thu nhập hàng tháng từ 6.500.000 đồng đến 8.900.000 đồng, chị đề nghị được nuôi cháu U và chị không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. Mặt khác, cháu U dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; đồng thời giao cho anh L trực tiếp nuôi cháu N là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Xuân L.

2. Về nuôi con: Giao cho Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con là Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/9/2016; anh Nguyễn Xuân L trực tiếp nuôi con là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/12/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị D, anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0003688 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã GT, huyện Gia Lộc để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Đình Thi